Trường Đại Học Mỏ - Địa chất
Phòng Đào tạo Đại học
-oOo-

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Bậc hệ: Đại học tín chỉ kỹ thuật (4.5 năm - 2020) (CDIO-2020)

Chuyên Ngành: Kỹ thuật cơ khí (7520103)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Mã Chuyên ngành	Tên hướng chuyên ngành
Học Kỳ Thứ 0						
A_2020_7520103_01						
1	7010111	Phương pháp tính	3	45		
2	7010120	Xác suất thống kê	3	45		
3	7010203	Vật lý đại cương 2	3	45		
4	7010506	Cơ lý thuyết 2	3	45		
5	7010607	Tiếng Trung 1	3	45		
6	7010608	Tiếng Trung 2	3	45		
7	7080226	Tin học đại cương + TH (khối kỹ thuật)	3	45		
A_2020_7520103_02						
1	7010111	Phương pháp tính	3	45		
2	7010120	Xác suất thống kê	3	45		
3	7010203	Vật lý đại cương 2	3	45		
4	7010506	Cơ lý thuyết 2	3	45		
5	7010607	Tiếng Trung 1	3	45		
6	7010608	Tiếng Trung 2	3	45		
7	7080226	Tin học đại cương + TH (khối kỹ thuật)	3	45		
A_2020_7520103_03						
1	7010111	Phương pháp tính	3	45		
2	7010120	Xác suất thống kê	3	45		
3	7010203	Vật lý đại cương 2	3	45		
4	7010506	Cơ lý thuyết 2	3	45		
5	7010607	Tiếng Trung 1	3	45		
6	7010608	Tiếng Trung 2	3	45		
7	7080226	Tin học đại cương + TH (khối kỹ thuật)	3	45		
A_2020_7520103_04						
1	7010111	Phương pháp tính	3	45		
2	7010120	Xác suất thống kê	3	45		
3	7010203	Vật lý đại cương 2	3	45		
4	7010506	Cơ lý thuyết 2	3	45		
5	7010607	Tiếng Trung 1	3	45		
6	7010608	Tiếng Trung 2	3	45		
7	7080226	Tin học đại cương + TH (khối kỹ thuật)	3	45		
B_2020_7520103_01						
1	7090510	Điều hòa không khí trong ô tô	2	30		
2	7090518	Kỹ thuật truyền động thủy khí	3	45		
3	7090523	Máy nâng- Máy xếp dỡ	3	45		
4	7090544	Tiếng anh chuyên ngành	2	30		
5	7090548	Tổ chức và quản lý vận tải ô tô	2	30		
B_2020_7520103_02						
1	7090510	Điều hòa không khí trong ô tô	2	30		

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Bậc hệ: Đại học tín chỉ kỹ thuật (4.5 năm - 2020) (CDIO-2020)

Chuyên Ngành: Kỹ thuật cơ khí (7520103)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Mã Chuyên ngành	Tên hướng chuyên ngành
2	7090518	Kỹ thuật truyền động thủy khí	3	45		
3	7090523	Máy nâng- Máy xếp dỡ	3	45		
4	7090544	Tiếng anh chuyên ngành	2	30		
5	7090548	Tổ chức và quản lý vận tải ô tô	2	30		
B_2020_7520103_03						
1	7090402	Chế tạo phôi	3	45		
2	7090408	Công nghệ chế tạo khuôn mẫu	2	30		
3	7090444	Truyền động tự động thủy khí trong máy công cụ	2	30		
4	7090446	Vẽ thiết kế cơ khí	2	30		
B_2020_7520103_04						
1	7090510	Điều hòa không khí trong ô tô	2	30		
2	7090518	Kỹ thuật truyền động thủy khí	3	45		
3	7090523	Máy nâng- Máy xếp dỡ	3	45		
4	7090544	Tiếng anh chuyên ngành	2	30		
5	7090548	Tổ chức và quản lý vận tải ô tô	2	30		
C_2020_7520103_01						
1	7010605	Tiếng Hàn	3	45		
2	7010606	Tiếng nhật	3	45		
3	7030105	Cơ sở khai thác mỏ lộ thiên và hầm lò	2	30		
4	7090101	An toàn điện	3	45		
5	7090105	Cơ sở cung cấp điện	3	45		
6	7090107	Điện khí hóa xí nghiệp mỏ	3	45		
7	7090120	Kinh tế năng lượng	3	45		
8	7090121	Kỹ thuật bóc tách và dự toán CT điện	3	45		
9	7090122	Kỹ thuật chiếu sáng	3	45		
10	7090124	Lưới điện thông minh (Smart Grid)	3	45		
11	7090131	Nhà máy điện	3	45		
12	7090141	Thiết kế hệ thống nối đất &chống sét CT điện	3	45		
13	7090142	Thiết kế mạng điện CN và dân dụng	3	45		
14	7090143	Thiết kế thiết bị điện	3	45		
15	7090147	Tiếng anh chuyên ngành điện	3	45		
16	7090154	Vận hành và điều khiển hệ thống điện	3	45		
17	7090205	Điện tử công suất ứng dụng	3	45		
18	7090206	Điều khiển hệ thống truyền động thủy lực khí nén	3	45		
19	7090207	Điều khiển logic và lập trình PLC	3	45		
20	7090210	Hệ thống điều khiển nhúng	3	45		
21	7090215	Kỹ thuật robot	3	45		
22	7090224	SCADA	3	45		
23	7090301	Chuyên đề điện - điện tử 3	3	45		
24	7090305	Điện tử ứng dụng	3	45		
25	7090317	Mô phỏng mạch điện và điện tử	3	45		
26	7090321	Thiết bị cơ điện lạnh	3	45		
27	7090324	Thiết kế mạch in	3	45		
28	7090329	Trang bị điện - điện tử trên ô tô	3	45		
29	7090401	Bơm cánh dẫn và Tuabin	3	45		
30	7090403	Chuyên đề Máy và Tự động thủy khí	3	45		
31	7090404	Chuyên đề Chế tạo máy	3	45		

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Bậc hệ: Đại học tín chỉ kỹ thuật (4.5 năm - 2020) (CDIO-2020)

Chuyên Ngành: Kỹ thuật cơ khí (7520103)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Mã Chuyên ngành	Tên hướng chuyên ngành
32	7090407	Công nghệ CAD/CAM/CNC	3	45		
33	7090417	Đồ gá	3	45		
34	7090419	Động lực học và ổn định truyền động thủy lực	3	45		
35	7090420	Hệ thống sản xuất linh hoạt (FMS) & Sản xuất tích hợp (CIM)	3	45		
36	7090428	Mô hình hóa và mô phỏng thủy khí	3	45		
37	7090432	Phương pháp gia công áp lực	3	45		
38	7090443	Truyền động thủy động	3	45		
39	7090501	An toàn giao thông đường bộ	2	30		
40	7090502	Các phần tử thủy lực và khí nén cơ bản	2	30		
41	7090509	Công nghệ sửa chữa máy	3	45		
42	7090514	Hệ thống bơm dòng hỗn hợp rắn lỏng trong công nghiệp	3	45		
43	7090528	Máy vận tải	3	45		
44	7090529	Năng lượng mới trên ô tô	2	30		
45	7090533	Nhiên liệu dầu, mỡ bôi trơn	2	30		
46	7090534	Quản lý sản xuất trong các nhà máy	2	30		
47	7090539	Thiết kế và mô phỏng 3D trong cơ khí	3	45		
48	7090540	Thiết kế xưởng sản xuất ô tô	2	30		
49	7090549	Tổng quan ô tô và máy công trình	2	30		
C_2020_7520103_02						
1	7010605	Tiếng Hàn	3	45		
2	7010606	Tiếng nhật	3	45		
3	7030105	Cơ sở khai thác mở lộ thiên và hầm lò	2	30		
4	7090101	An toàn điện	3	45		
5	7090105	Cơ sở cung cấp điện	3	45		
6	7090107	Điện khí hóa xí nghiệp mỏ	3	45		
7	7090120	Kinh tế năng lượng	3	45		
8	7090121	Kỹ thuật bóc tách và dự toán CT điện	3	45		
9	7090122	Kỹ thuật chiếu sáng	3	45		
10	7090124	Lưới điện thông minh (Smart Grid)	3	45		
11	7090131	Nhà máy điện	3	45		
12	7090141	Thiết kế hệ thống nối đất &chống sét CT điện	3	45		
13	7090142	Thiết kế mạng điện CN và dân dụng	3	45		
14	7090143	Thiết kế thiết bị điện	3	45		
15	7090147	Tiếng anh chuyên ngành điện	3	45		
16	7090154	Vận hành và điều khiển hệ thống điện	3	45		
17	7090205	Điện tử công suất ứng dụng	3	45		
18	7090206	Điều khiển hệ thống truyền động thủy lực khí nén	3	45		
19	7090207	Điều khiển logic và lập trình PLC	3	45		
20	7090210	Hệ thống điều khiển nhúng	3	45		
21	7090215	Kỹ thuật robot	3	45		
22	7090224	SCADA	3	45		
23	7090301	Chuyên đề điện - điện tử 3	3	45		
24	7090305	Điện tử ứng dụng	3	45		
25	7090317	Mô phỏng mạch điện và điện tử	3	45		
26	7090321	Thiết bị cơ điện lạnh	3	45		
27	7090324	Thiết kế mạch in	3	45		

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Bậc hệ: Đại học tín chỉ kỹ thuật (4.5 năm - 2020) (CDIO-2020)

Chuyên Ngành: Kỹ thuật cơ khí (7520103)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Mã Chuyên ngành	Tên hướng chuyên ngành
28	7090329	Trang bị điện - điện tử trên ô tô	3	45		
29	7090401	Bơm cánh dẫn và Tuabin	3	45		
30	7090403	Chuyên đề Máy và Tự động thủy khí	3	45		
31	7090404	Chuyên đề Chế tạo máy	3	45		
32	7090407	Công nghệ CAD/CAM/CNC	3	45		
33	7090417	Đồ gá	3	45		
34	7090419	Động lực học và ổn định truyền động thủy lực	3	45		
35	7090420	Hệ thống sản xuất linh hoạt (FMS) & Sản xuất tích hợp (CIM)	3	45		
36	7090428	Mô hình hóa và mô phỏng thủy khí	3	45		
37	7090432	Phương pháp gia công áp lực	3	45		
38	7090443	Truyền động thủy động	3	45		
39	7090501	An toàn giao thông đường bộ	2	30		
40	7090502	Các phần tử thủy lực và khí nén cơ bản	2	30		
41	7090509	Công nghệ sửa chữa máy	3	45		
42	7090514	Hệ thống bơm dòng hỗn hợp rắn lỏng trong công nghiệp	3	45		
43	7090528	Máy vận tải	3	45		
44	7090529	Năng lượng mới trên ô tô	2	30		
45	7090533	Nhiên liệu dầu, mỡ bôi trơn	2	30		
46	7090534	Quản lý sản xuất trong các nhà máy	2	30		
47	7090539	Thiết kế và mô phỏng 3D trong cơ khí	3	45		
48	7090540	Thiết kế xưởng sản xuất ô tô	2	30		
49	7090549	Tổng quan ô tô và máy công trình	2	30		
C_2020_7520103_03						
1	7010605	Tiếng Hàn	3	45		
2	7010606	Tiếng nhật	3	45		
3	7030105	Cơ sở khai thác mỏ lộ thiên và hầm lò	2	30		
4	7090101	An toàn điện	3	45		
5	7090105	Cơ sở cung cấp điện	3	45		
6	7090107	Điện khí hóa xí nghiệp mỏ	3	45		
7	7090120	Kinh tế năng lượng	3	45		
8	7090121	Kỹ thuật bóc tách và dự toán CT điện	3	45		
9	7090122	Kỹ thuật chiếu sáng	3	45		
10	7090124	Lưới điện thông minh (Smart Grid)	3	45		
11	7090131	Nhà máy điện	3	45		
12	7090141	Thiết kế hệ thống nối đất &chống sét CT điện	3	45		
13	7090142	Thiết kế mạng điện CN và dân dụng	3	45		
14	7090143	Thiết kế thiết bị điện	3	45		
15	7090147	Tiếng anh chuyên ngành điện	3	45		
16	7090154	Vận hành và điều khiển hệ thống điện	3	45		
17	7090205	Điện tử công suất ứng dụng	3	45		
18	7090206	Điều khiển hệ thống truyền động thủy lực khí nén	3	45		
19	7090207	Điều khiển logic và lập trình PLC	3	45		
20	7090210	Hệ thống điều khiển nhúng	3	45		
21	7090215	Kỹ thuật robot	3	45		
22	7090224	SCADA	3	45		
23	7090301	Chuyên đề điện - điện tử 3	3	45		

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Bậc hệ: Đại học tín chỉ kỹ thuật (4.5 năm - 2020) (CDIO-2020)

Chuyên Ngành: Kỹ thuật cơ khí (7520103)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Mã Chuyên ngành	Tên hướng chuyên ngành
24	7090305	Điện tử ứng dụng	3	45		
25	7090317	Mô phỏng mạch điện và điện tử	3	45		
26	7090321	Thiết bị cơ điện lạnh	3	45		
27	7090324	Thiết kế mạch in	3	45		
28	7090329	Trang bị điện - điện tử trên ô tô	3	45		
29	7090401	Bơm cánh dẫn và Tuabin	3	45		
30	7090403	Chuyên đề Máy và Tự động thủy khí	3	45		
31	7090404	Chuyên đề Chế tạo máy	3	45		
32	7090407	Công nghệ CAD/CAM/CNC	3	45		
33	7090417	Đồ gá	3	45		
34	7090419	Động lực học và ổn định truyền động thủy lực	3	45		
35	7090420	Hệ thống sản xuất linh hoạt (FMS) & Sản xuất tích hợp (CIM)	3	45		
36	7090428	Mô hình hóa và mô phỏng thủy khí	3	45		
37	7090432	Phương pháp gia công áp lực	3	45		
38	7090443	Truyền động thủy động	3	45		
39	7090501	An toàn giao thông đường bộ	2	30		
40	7090502	Các phần tử thủy lực và khí nén cơ bản	2	30		
41	7090509	Công nghệ sửa chữa máy	3	45		
42	7090514	Hệ thống bơm dòng hỗn hợp rắn lỏng trong công nghiệp	3	45		
43	7090528	Máy vận tải	3	45		
44	7090529	Năng lượng mới trên ô tô	2	30		
45	7090533	Nhiên liệu dầu, mỡ bôi trơn	2	30		
46	7090534	Quản lý sản xuất trong các nhà máy	2	30		
47	7090539	Thiết kế và mô phỏng 3D trong cơ khí	3	45		
48	7090540	Thiết kế xưởng sản xuất ô tô	2	30		
49	7090549	Tổng quan ô tô và máy công trình	2	30		
C_2020_7520103_04						
1	7010605	Tiếng Hàn	3	45		
2	7010606	Tiếng nhật	3	45		
3	7030105	Cơ sở khai thác mỏ lộ thiên và hầm lò	2	30		
4	7090101	An toàn điện	3	45		
5	7090105	Cơ sở cung cấp điện	3	45		
6	7090107	Điện khí hóa xí nghiệp mỏ	3	45		
7	7090120	Kinh tế năng lượng	3	45		
8	7090121	Kỹ thuật bóc tách và dự toán CT điện	3	45		
9	7090122	Kỹ thuật chiếu sáng	3	45		
10	7090124	Lưới điện thông minh (Smart Grid)	3	45		
11	7090131	Nhà máy điện	3	45		
12	7090141	Thiết kế hệ thống nối đất &chống sét CT điện	3	45		
13	7090142	Thiết kế mạng điện CN và dân dụng	3	45		
14	7090143	Thiết kế thiết bị điện	3	45		
15	7090147	Tiếng anh chuyên ngành điện	3	45		
16	7090154	Vận hành và điều khiển hệ thống điện	3	45		
17	7090205	Điện tử công suất ứng dụng	3	45		
18	7090206	Điều khiển hệ thống truyền động thủy lực khí nén	3	45		
19	7090207	Điều khiển logic và lập trình PLC	3	45		

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Bậc hệ: Đại học tín chỉ kỹ thuật (4.5 năm - 2020) (CDIO-2020)

Chuyên Ngành: Kỹ thuật cơ khí (7520103)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Mã Chuyên ngành	Tên hướng chuyên ngành
20	7090210	Hệ thống điều khiển nhúng	3	45		
21	7090215	Kỹ thuật robot	3	45		
22	7090224	SCADA	3	45		
23	7090301	Chuyên đề điện - điện tử 3	3	45		
24	7090305	Điện tử ứng dụng	3	45		
25	7090317	Mô phỏng mạch điện và điện tử	3	45		
26	7090321	Thiết bị cơ điện lạnh	3	45		
27	7090324	Thiết kế mạch in	3	45		
28	7090329	Trang bị điện - điện tử trên ô tô	3	45		
29	7090401	Bơm cánh dẫn và Tuabin	3	45		
30	7090403	Chuyên đề Máy và Tự động thủy khí	3	45		
31	7090404	Chuyên đề Chế tạo máy	3	45		
32	7090407	Công nghệ CAD/CAM/CNC	3	45		
33	7090417	Đồ gá	3	45		
34	7090419	Động lực học và ổn định truyền động thủy lực	3	45		
35	7090420	Hệ thống sản xuất linh hoạt (FMS) & Sản xuất tích hợp (CIM)	3	45		
36	7090428	Mô hình hóa và mô phỏng thủy khí	3	45		
37	7090432	Phương pháp gia công áp lực	3	45		
38	7090443	Truyền động thủy động	3	45		
39	7090501	An toàn giao thông đường bộ	2	30		
40	7090502	Các phần tử thủy lực và khí nén cơ bản	2	30		
41	7090509	Công nghệ sửa chữa máy	3	45		
42	7090514	Hệ thống bơm dòng hỗn hợp rắn lỏng trong công nghiệp	3	45		
43	7090528	Máy vận tải	3	45		
44	7090529	Năng lượng mới trên ô tô	2	30		
45	7090533	Nhiên liệu dầu, mỡ bôi trơn	2	30		
46	7090534	Quản lý sản xuất trong các nhà máy	2	30		
47	7090539	Thiết kế và mô phỏng 3D trong cơ khí	3	45		
48	7090540	Thiết kế xưởng sản xuất ô tô	2	30		
49	7090549	Tổng quan ô tô và máy công trình	2	30		
Học Kỳ Thứ 1						
1	7010102	Đại số tuyến tính	4	60		
2	7010103	Giải tích 1	4	60		
3	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	45		
4	7010403	Hình họa và vẽ kỹ thuật + BTL	3	45		
5	7010601	Tiếng Anh 1	3	45		
6	7010701	Giáo dục thể chất 1	1	15		
Học Kỳ Thứ 2						
1	7010104	Giải tích 2	4	60		
2	7010202	Thí nghiệm vật lý 1	1	15		
3	7010204	Vật lý đại cương 1	4	60		
4	7010505	Cơ lý thuyết 1	3	45		
5	7010602	Tiếng Anh 2	3	45		
6	7010702	Giáo dục thể chất 2	1	15		

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Bậc hệ: Đại học tín chỉ kỹ thuật (4.5 năm - 2020) (CDIO-2020)

Chuyên Ngành: Kỹ thuật cơ khí (7520103)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Mã Chuyên ngành	Tên hướng chuyên ngành
7	7020303	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30		
8	7090532	Nhập môn về kỹ thuật	3	45	7520103_04	Cơ khí ô tô
Học Kỳ Thứ 3						
1	7010703	Giáo dục thể chất 3	1	15		
2	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	45		
3	7030503	Sức bền vật liệu + BTL	3	45		
4	7090431	Nguyên lý máy + BTL	3	45		
5	7090424	Kỹ thuật thuỷ khí	3	45	7520103_01	Máy và Thiết bị mỏ
6	7090531	Nhập môn Kỹ thuật	3	45	7520103_01	Máy và Thiết bị mỏ
7	7090424	Kỹ thuật thuỷ khí	3	45	7520103_02	Máy và Tự động thủy khí
8	7090531	Nhập môn Kỹ thuật	3	45	7520103_02	Máy và Tự động thủy khí
9	7090424	Kỹ thuật thuỷ khí	3	45	7520103_03	Công nghệ chế tạo máy
10	7090531	Nhập môn Kỹ thuật	3	45	7520103_03	Công nghệ chế tạo máy
11		Tự chọn A - Cơ Khí Ô tô - CDIO	0		7520103_04	Cơ khí ô tô
12	7090506	Cơ sở kỹ thuật cơ khí	3	45	7520103_04	Cơ khí ô tô
Học Kỳ Thứ 4						
1	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30		
2	7090406	Cơ sở thiết kế máy	3	45		
3	7090422	Kỹ thuật đo + BTL	3	45		
4	7090434	Thí nghiệm Vật liệu kỹ thuật	1	15	7520103_01	Máy và Thiết bị mỏ
5	7090445	Vật liệu kỹ thuật	3	45	7520103_01	Máy và Thiết bị mỏ
6	7090518	Kỹ thuật truyền động thủy khí	3	45	7520103_01	Máy và Thiết bị mỏ
7	7090434	Thí nghiệm Vật liệu kỹ thuật	1	15	7520103_02	Máy và Tự động thủy khí
8	7090445	Vật liệu kỹ thuật	3	45	7520103_02	Máy và Tự động thủy khí
9	7090518	Kỹ thuật truyền động thủy khí	3	45	7520103_02	Máy và Tự động thủy khí
10	7090434	Thí nghiệm Vật liệu kỹ thuật	1	15	7520103_03	Công nghệ chế tạo máy
11	7090445	Vật liệu kỹ thuật	3	45	7520103_03	Công nghệ chế tạo máy
12	7090518	Kỹ thuật truyền động thủy khí	3	45	7520103_03	Công nghệ chế tạo máy
13	7090504	Cấu tạo ô tô	4	60	7520103_04	Cơ khí ô tô
Học Kỳ Thứ 5						
1	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		
2	7090312	Kỹ thuật điện - điện tử	3	45		
3	7090413	Đồ án thiết kế truyền động cơ khí	1	15		
4	7300102	Đường lối quân sự của Đảng	3	45		
5		Tự chọn B - Máy và Thiết bị mỏ - CDIO	0		7520103_01	Máy và Thiết bị mỏ
6		Tự chọn A - Máy và Thiết bị mỏ - CDIO	0		7520103_01	Máy và Thiết bị mỏ
7		Tự chọn C - Máy và Thiết bị mỏ - CDIO	0		7520103_01	Máy và Thiết bị mỏ
8	7090423	Kỹ thuật nhiệt	2	30	7520103_01	Máy và Thiết bị mỏ
9	7090524	Máy thủy khí	3	45	7520103_01	Máy và Thiết bị mỏ
10	7090526	Máy và thiết bị công nghiệp	3	45	7520103_01	Máy và Thiết bị mỏ
11	7090528	Máy vận tải	3	45	7520103_01	Máy và Thiết bị mỏ
12		Tự chọn B -Máy và Tự động thủy khí - CDIO	0		7520103_02	Máy và Tự động thủy khí

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Bậc hệ: Đại học tín chỉ kỹ thuật (4.5 năm - 2020) (CDIO-2020)

Chuyên Ngành: Kỹ thuật cơ khí (7520103)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Mã Chuyên ngành	Tên hướng chuyên ngành
13		Tự chọn C - Máy và Tự động thủy khí - CDIO	0		7520103_02	Máy và Tự động thủy khí
14		Tự chọn A - Máy và Tự động thủy khí - CDIO	0		7520103_02	Máy và Tự động thủy khí
15	7090423	Kỹ thuật nhiệt	2	30	7520103_02	Máy và Tự động thủy khí
16	7090526	Máy và thiết bị công nghiệp	3	45	7520103_02	Máy và Tự động thủy khí
17		Tự chọn B - Công nghệ chế tạo máy - CDIO	0		7520103_03	Công nghệ chế tạo máy
18		Tự chọn C - Công nghệ chế tạo máy - CDIO	0		7520103_03	Công nghệ chế tạo máy
19		Tự chọn A - Công nghệ chế tạo máy - CDIO	0		7520103_03	Công nghệ chế tạo máy
20	7090423	Kỹ thuật nhiệt	2	30	7520103_03	Công nghệ chế tạo máy
21	7090429	Nguyên lý gia công và dụng cụ cắt	3	45	7520103_03	Công nghệ chế tạo máy
22	7090526	Máy và thiết bị công nghiệp	3	45	7520103_03	Công nghệ chế tạo máy
23		Tự chọn A - Cơ Khí Ô tô - CDIO	0		7520103_04	Cơ khí ô tô
24	7090515	Kết cấu, tính toán ô tô 1	3	45	7520103_04	Cơ khí ô tô
25	7090530	Nguyên lý động cơ đốt trong	4	60	7520103_04	Cơ khí ô tô
Học Kỳ Thứ 6						
1	7020104	Pháp luật đại cương	2	30		
2	7090409	Công nghệ chế tạo máy 1	3	45		
3	7090546	Tin học ứng dụng trong cơ khí	3	45		
4	7090601	Thực tập cơ khí	2	30		
5	7300101	Công tác quốc phòng - an ninh	3	45		
6	7090522	Máy khai thác	3	45	7520103_01	Máy và Thiết bị mỏ
7	7090523	Máy nâng- Máy xếp dỡ	3	45	7520103_01	Máy và Thiết bị mỏ
8	7090523	Máy nâng- Máy xếp dỡ	3	45	7520103_02	Máy và Tự động thủy khí
9	7090524	Máy thủy khí	3	45	7520103_02	Máy và Tự động thủy khí
10	7090536	Thí nghiệm Máy thủy khí	1	15	7520103_02	Máy và Tự động thủy khí
11	7090427	Máy công cụ	3	45	7520103_03	Công nghệ chế tạo máy
12	7090523	Máy nâng- Máy xếp dỡ	3	45	7520103_03	Công nghệ chế tạo máy
13		Tự chọn B - Cơ Khí Ô tô - CDIO	0		7520103_04	Cơ khí ô tô
14	7090329	Trang bị điện - điện tử trên ô tô	3	45	7520103_04	Cơ khí ô tô
15	7090508	Công nghệ sản xuất và lắp ráp ô tô	2	30	7520103_04	Cơ khí ô tô
16	7090516	Kết cấu, tính toán ô tô 2	2	30	7520103_04	Cơ khí ô tô
17	7090521	Lý thuyết ô tô	4	60	7520103_04	Cơ khí ô tô
Học Kỳ Thứ 7						
1	7020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		
2	7090507	Công nghệ gia công CNC	3	45		
3	7090517	Kỹ thuật an toàn và môi trường cơ khí	2	30		
4	7300201	Quân sự chung và chiến thuật	5	75		
5	7090535	Thí nghiệm máy thiết bị mỏ	1	15	7520103_01	Máy và Thiết bị mỏ
6	7090441	Truyền đồng - Tự động khí nén	3	45	7520103_02	Máy và Tự động thủy khí
7	7090442	Truyền động - Tự động thủy lực thể tích	4	60	7520103_02	Máy và Tự động thủy khí
8	7090513	Đồ án máy thủy khí	1	15	7520103_02	Máy và Tự động thủy khí
9	7090410	Công nghệ chế tạo máy 2	3	45	7520103_03	Công nghệ chế tạo máy
10	7090412	Đồ án Máy công cụ và Dụng cụ cắt	1	15	7520103_03	Công nghệ chế tạo máy
11		Tự chọn B - Cơ Khí Ô tô - CDIO	0		7520103_04	Cơ khí ô tô

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Bậc hệ: Đại học tín chỉ kỹ thuật (4.5 năm - 2020) (CDIO-2020)

Chuyên Ngành: Kỹ thuật cơ khí (7520103)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Mã Chuyên ngành	Tên hướng chuyên ngành
12		Tự chọn C - Cơ Khí Ô tô - CDIO	0		7520103_04	Cơ khí ô tô
13	7090505	Chẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô	4	60	7520103_04	Cơ khí ô tô
14	7090512	Đồ án kết cấu, tính toán ô tô	1	15	7520103_04	Cơ khí ô tô
15	7090537	Thí nghiệm ô tô	2	30	7520103_04	Cơ khí ô tô
Học Kỳ Thứ 8						
1	7090511	Đồ án chuyên ngành	1	15	7520103_01	Máy và Thiết bị mỏ
2	7090525	Máy tuyển khoáng	3	45	7520103_01	Máy và Thiết bị mỏ
3	7090416	Đồ án Truyền động Thủy lực - Khí nén	1	15	7520103_02	Máy và Tự động thủy khí
4	7090433	Thí nghiệm truyền động Thủy lực - Khí nén	1	15	7520103_02	Máy và Tự động thủy khí
5	7090407	Công nghệ CAD/CAM/CNC	3	45	7520103_03	Công nghệ chế tạo máy
6	7090411	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1	15	7520103_03	Công nghệ chế tạo máy
7	7090439	Tiếng Anh chuyên ngành CNCTM	2	30	7520103_03	Công nghệ chế tạo máy
8		Tự chọn C - Cơ Khí Ô tô - CDIO	0		7520103_04	Cơ khí ô tô
9		Tự chọn B - Cơ Khí Ô tô - CDIO	0		7520103_04	Cơ khí ô tô
Học Kỳ Thứ 9						
1	7090519	Đồ án tốt nghiệp	10	120	7520103_01	Máy và Thiết bị mỏ
2	7090541	Thực tập doanh nghiệp	10	30	7520103_01	Máy và Thiết bị mỏ
3	7090414	Đồ án tốt nghiệp	10	120	7520103_02	Máy và Tự động thủy khí
4	7090436	Thực tập doanh nghiệp	10	30	7520103_02	Máy và Tự động thủy khí
5	7090415	Đồ án tốt nghiệp	10	120	7520103_03	Công nghệ chế tạo máy
6	7090437	Thực tập doanh nghiệp	10	30	7520103_03	Công nghệ chế tạo máy
7	7090520	Đồ án tốt nghiệp	10	120	7520103_04	Cơ khí ô tô
8	7090542	Thực tập doanh nghiệp	10	30	7520103_04	Cơ khí ô tô